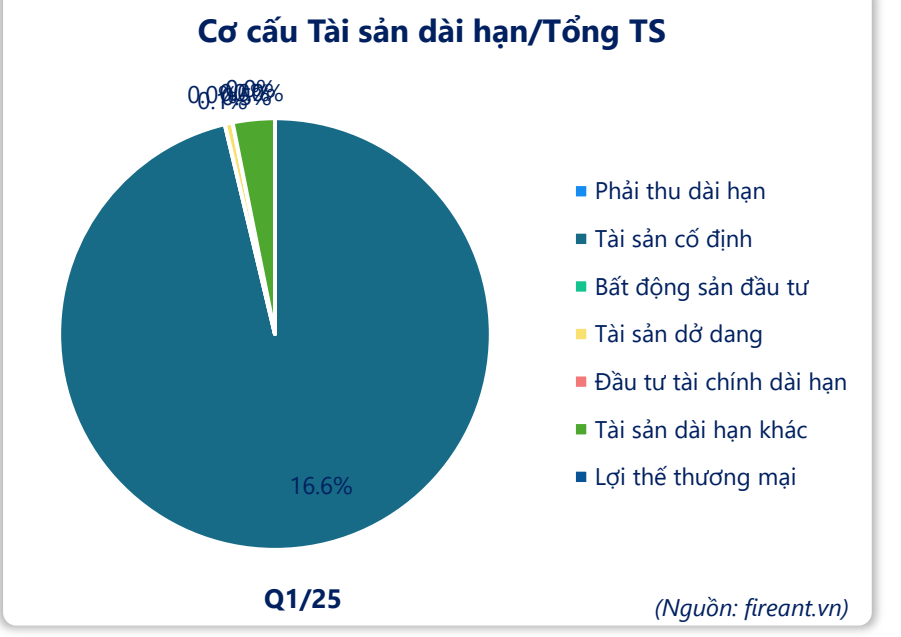
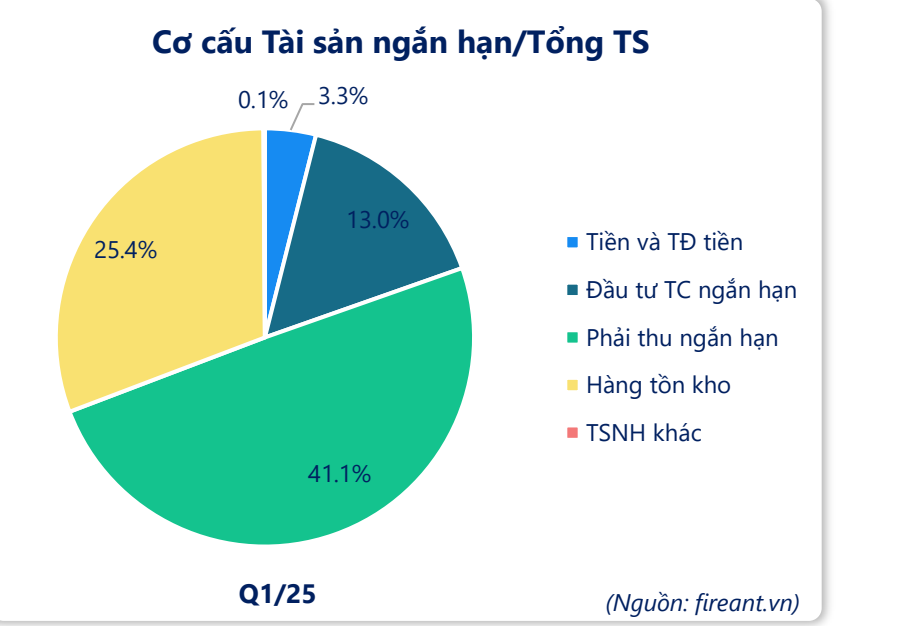
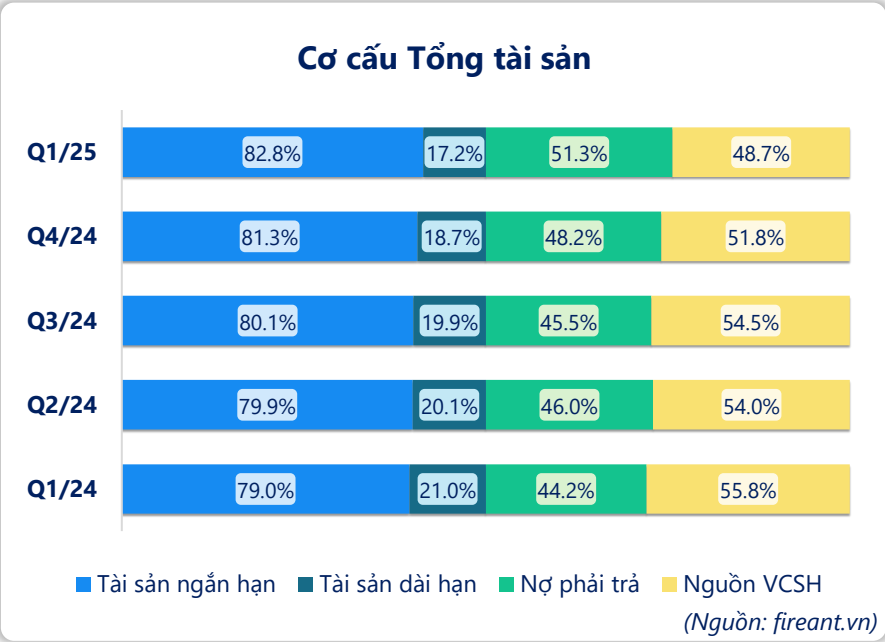
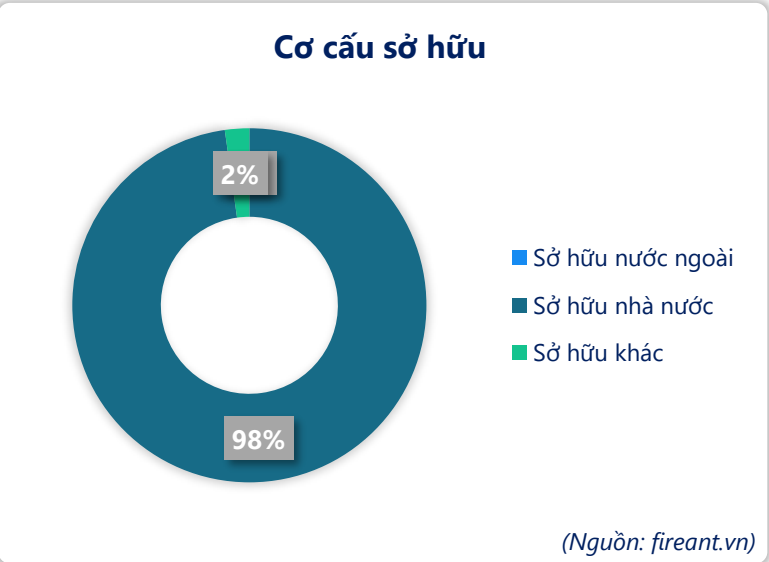
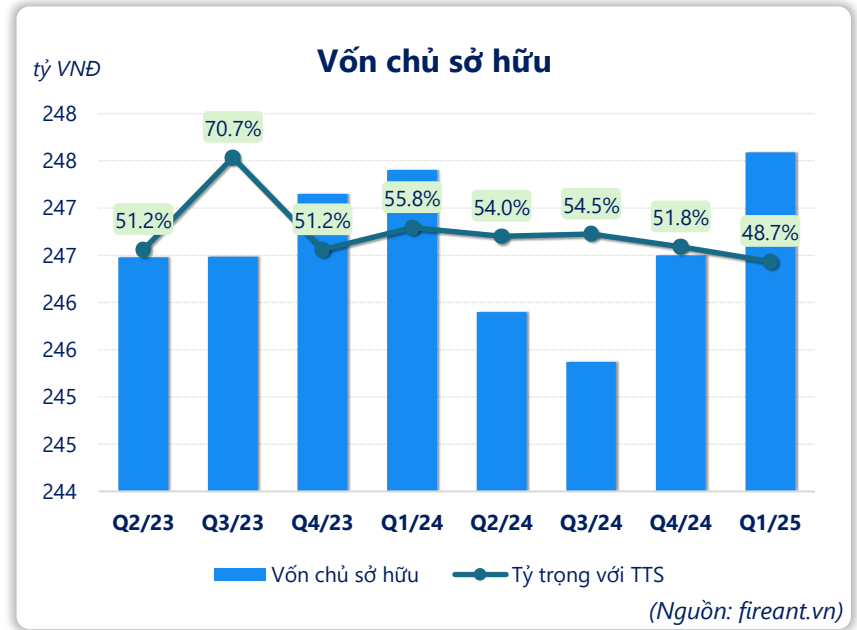
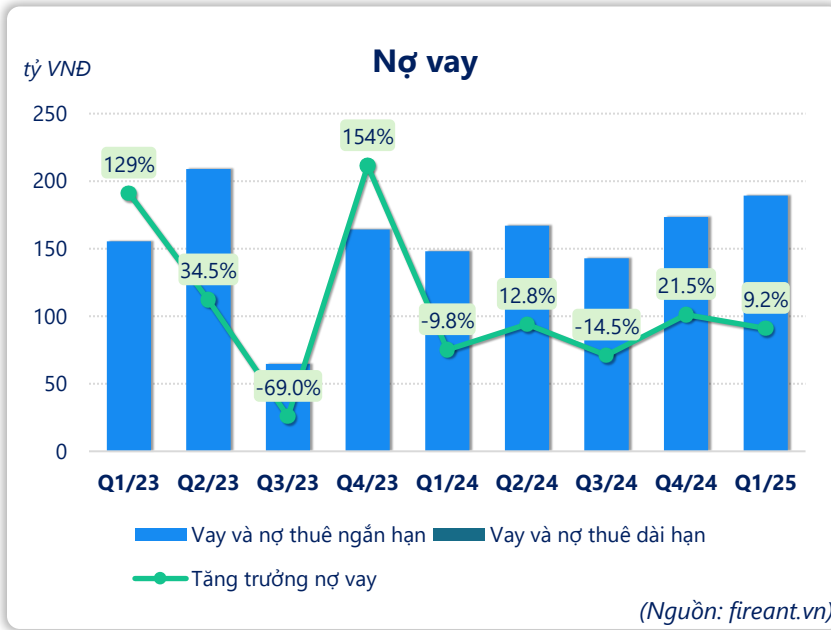
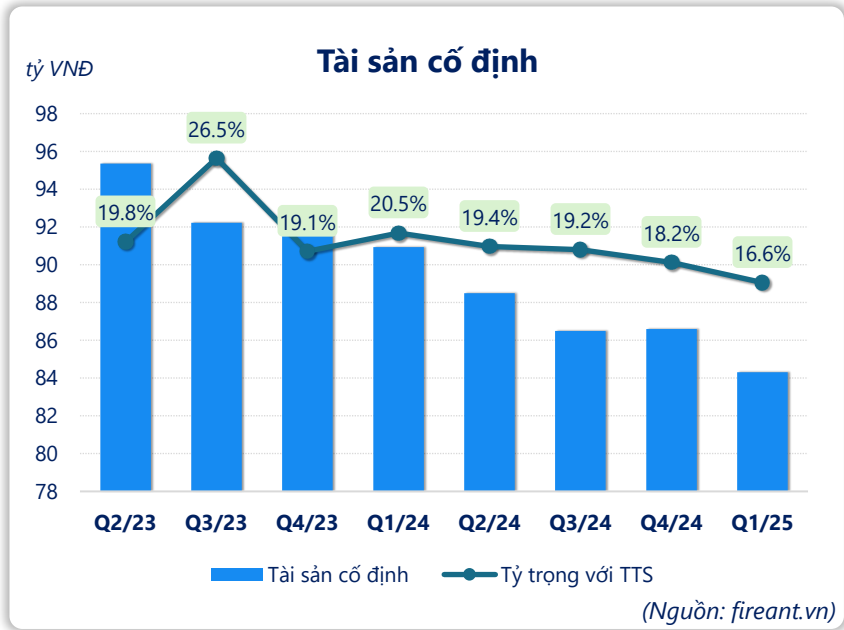
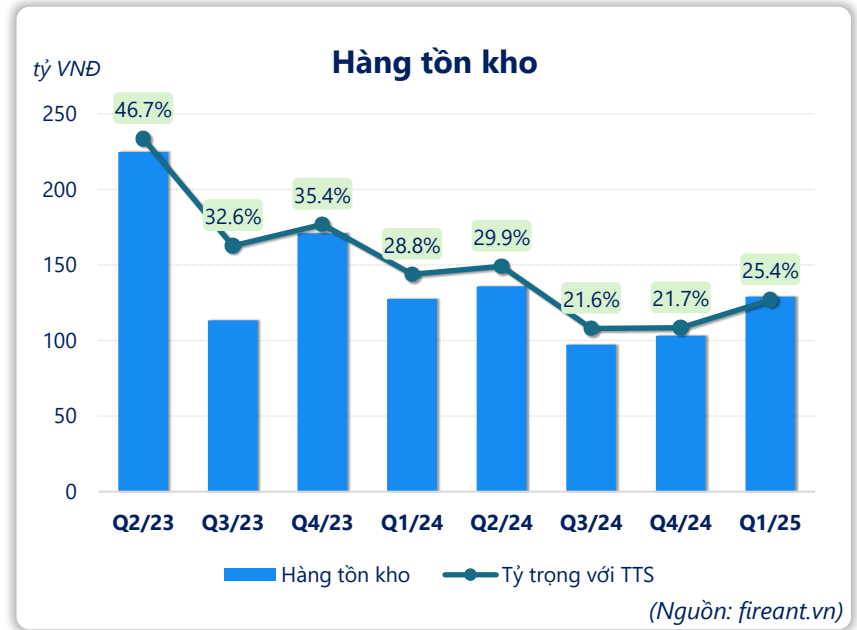
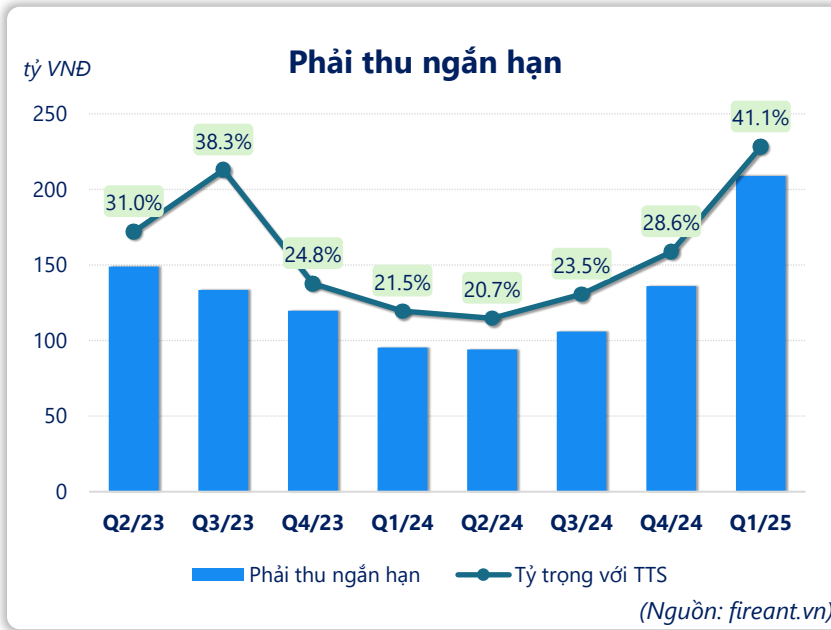
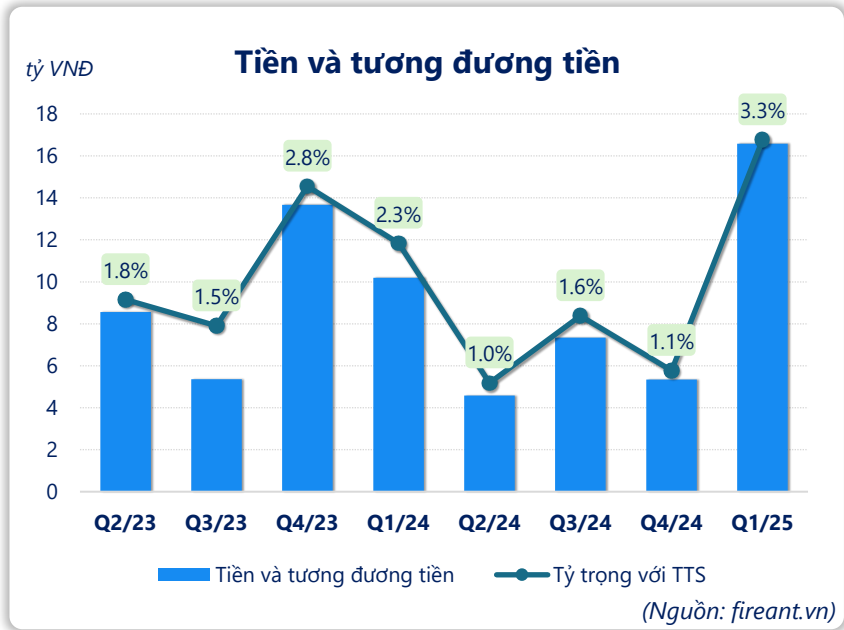
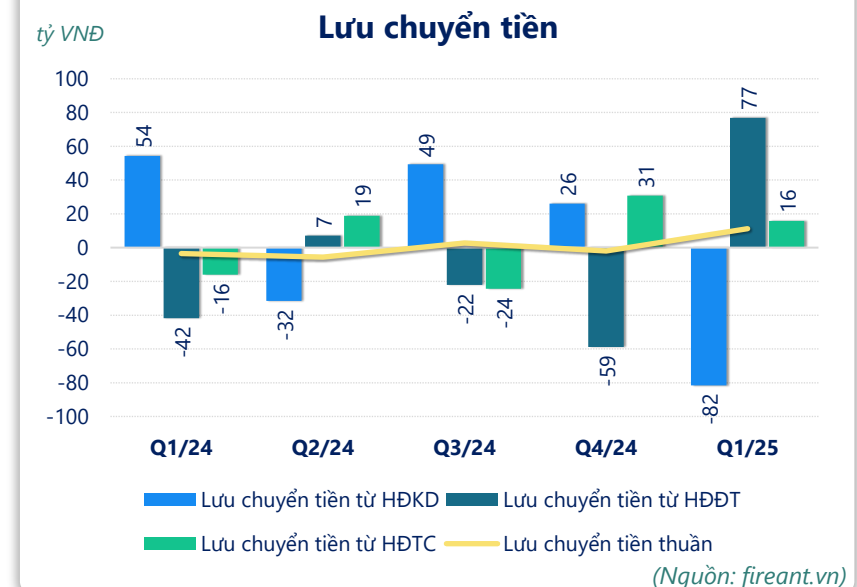
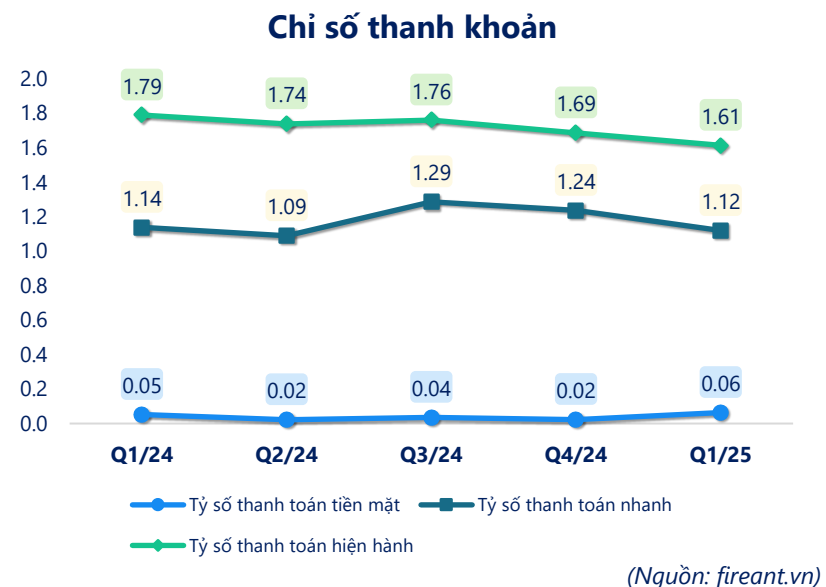
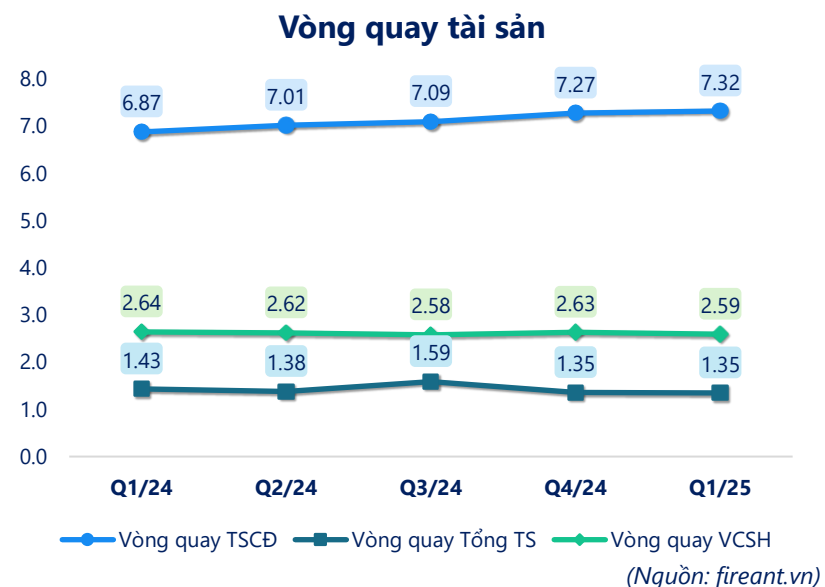
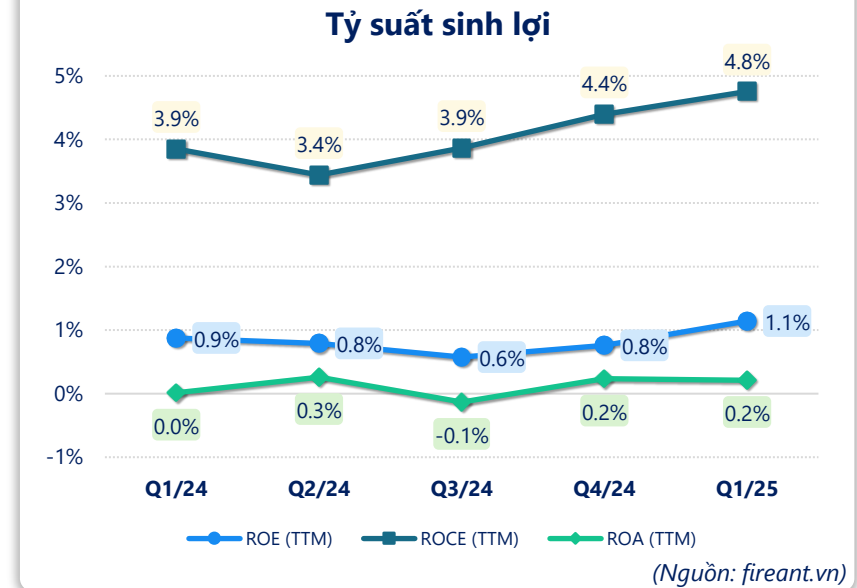
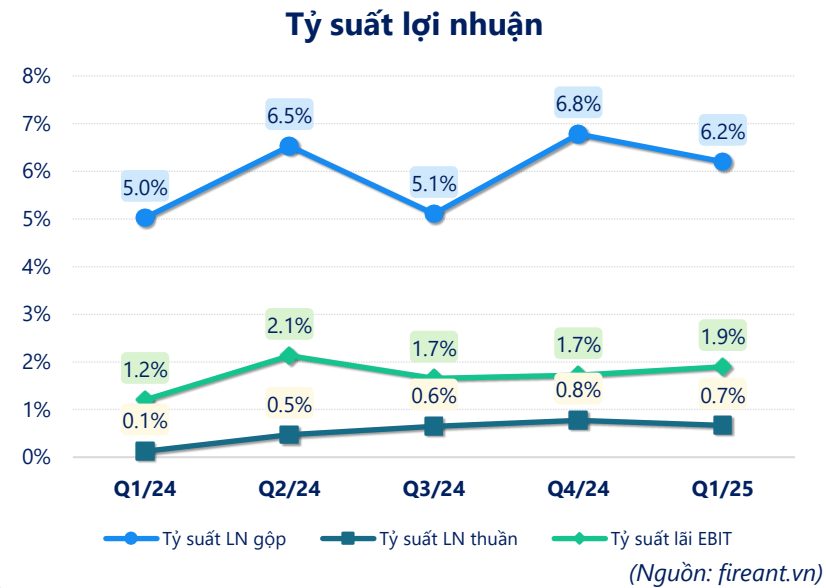
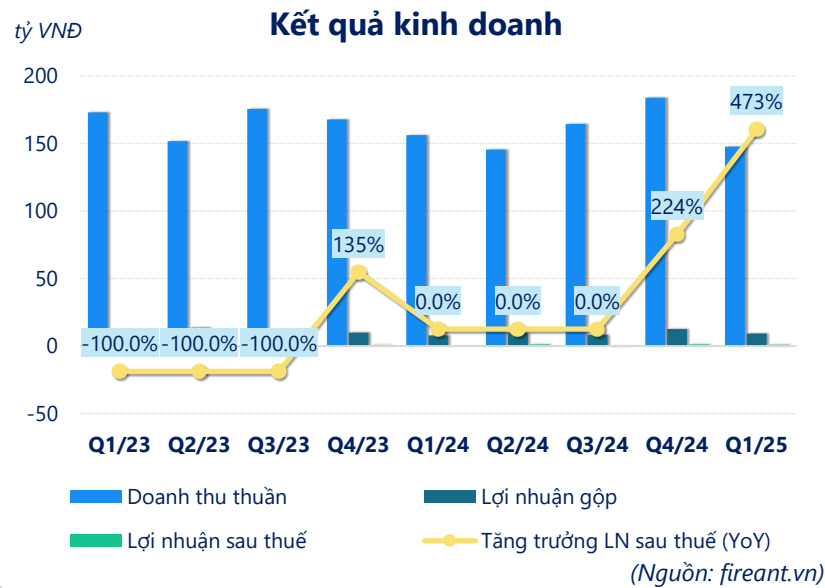


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,346
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,800
SL cổ phiếu LH		24,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		169
P/E		59.9
EPS		117

	YTD	1T	3T	6T
BMV	-9.1%	1.4%	-9.1%	-39.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	509	476	6.8%
Tài sản ngắn hạn	421	387	8.8%
Tiền và tương đương tiền	16.6	5.35	210%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.0	142	-53.4%
Phải thu ngắn hạn	209	136	53.2%
Hàng tồn kho	129	103	25.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.48	0.58	-16.9%
Tài sản dài hạn	87.6	89.3	-1.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	84.3	86.6	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.51	0.53	-2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.76	2.15	28.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	261	230	13.6%
Nợ ngắn hạn	261	230	13.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	189	173	9.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.6	40.7	41.4%
Nợ dài hạn	0.10	0.11	-9.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	248	247	0.4%
Vốn chủ sở hữu	248	247	0.4%
Vốn điều lệ	242	242	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	156	145	164	184	147
Giá vốn hàng bán	148	136	156	171	138
Lợi nhuận gộp	7.85	9.50	8.39	12.5	9.14
Doanh thu HĐTC	1.66	1.61	1.99	2.04	2.36
Chi phí TC	2.09	2.26	1.56	2.03	2.01
Chi phí lãi vay	1.78	1.72	1.55	1.45	1.53
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.48	3.50	3.41	5.14	3.85
Chi phí QLDN	3.74	4.67	4.35	5.91	4.66
LN thuần từ HĐKD	0.19	0.69	1.07	1.42	0.98
Lợi nhuận khác	-0.09	0.69	0.10	0.29	0.28
LN trước thuế	0.11	1.38	1.16	1.72	1.27
Lợi nhuận sau thuế	0.06	1.21	-0.53	1.13	1.01
LNST của CĐ cty mẹ	0.06	1.21	-0.53	1.13	1.01

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	54.4	-31.6	49.3	26.1	-81.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.8	7.04	-22.2	-58.8	76.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.1	18.9	-24.3	30.7	15.9
Tiền đầu kỳ	13.7	10.2	4.58	7.34	5.35
Lưu chuyển tiền thuần	-3.50	-5.61	2.82	-2.04	11.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	0.00	-0.06	0.05	0
Tiền cuối kỳ	10.2	4.58	7.34	5.35	16.6

(Nguồn: fireant.vn)